TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đoàn Đăng Quang

2. Bà Hồ Huỳnh Mỷ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Giấy ủy quyền số 880/2023/UQ-TGĐ ngày 13/4/2023 của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S).

Địa chỉ liên lạc: Lầu 5, số 278 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đào Hải Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 28/16A đường Trần Trọng C, tổ 5, khu phố 1A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Lã Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Đào Hải Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/08/2009, ông Đào Hải Đ có ký với Ngân hàng TMCP S *(sau đây viết tắt là Ngân hàng T)* Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 462881 - 7669 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Lãi suất áp dụng theo từng thời kỳ, cụ thể theo từng thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh thẻ tín dụng quốc tế S. Căn cứ thu nhập của ông Đức, Ngân hàng T đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 108,634,000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 26/05/2012, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 95.367.000 đồng, sau đó thì ngưng không thanh toán (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng T đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Vì ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 26/05/2012 Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 39,170,772 đồng sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn = 150% X lãi trong hạn = 2.15 X 150%.= 3.225%/ tháng.

Do ông Đào Hải Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo thỏa thuận tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nêu trên, nên Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đào Hải Đ trả ngay cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 09/6/2023 là 209.343.582 đồng (trong đó nợ gốc: 39.170.772 đồng và lãi quá hạn: 170.172.810 đồng) và ông Đào Hải Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/6/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng.

- *Đối với bị đơn ông Đào Hải Đ:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Đào Hải Đ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông Đ không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho ông Đào Hải Đ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2), nhưng ông Đ vẫn không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Đào Hải Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa (lần 2) nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Đào Hải Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 09/6/2023 là 209.343.582 đồng (trong đó tiền gốc là 39.170.772 đồng, tiền lãi là 170.172.810 đồng).

Về án phí: Ông Đào Hải Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Đào Hải Đ phải trả các khoản nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Đào Hải Đ, tại phiên tòa ngày 11/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay, ông Đào Hải Đ vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật: Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 462881 - 7669 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ký ngày 17/08/2009 giữa Ngân hàng T và ông Đào Hải Đ có hiệu lực kể từ ngày ký và đang thực hiện. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án;

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu ông Đào Hải Đ phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 09/6/2023 là 209.343.582 đồng (trong đó tiền gốc là 39.170.772 đồng, tiền lãi là 170.172.810 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân giữa Ngân hàng T và ông Đào Hải Đ ngày 17/08/2009 thể hiện Ngân hàng đã cấp cho ông Đào Hải Đ thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 108,634,000 đồng và ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng T được số tiền là 95.367.000 đồng. Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê khách hàng Đào Hải Đ; số thẻ: 462881-7669 của Ngân hàng T xác định tính đến ngày 09/6/2023, ông Đào Hải Đ còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là 209.343.582 đồng (trong đó tiền gốc là 39.170.772 đồng, tiền lãi là 170.172.810 đồng). Như vậy, có cơ sở xác định ông Đào Hải Đ có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng như đã nêu trên, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận, nên ông Đào Hải Đ phải chịu án phí dân sự số tiền là 10.467.179 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Đào Hải Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/6/2023 là 209.343.582 (hai trăm lẻ chín triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm tám mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc 39.170.772 đồng và tiền lãi quá hạn 170.172.810 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 10/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Đào Hải Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng – số thẻ: 462881-7669 (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S ngày 17/8/2009).

2. Về án phí: Ông Đào Hải Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.467.179 (mười triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi chín) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.001.000 (bốn triệu không trăm lẻ một ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0041701 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (*TK Thúy Loan*)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA